



qí lǒng
畦垄

noun · raised ridge between furrows in a field

Example Sentence

Nóng mín zài qí lǒng shàng zhòng zhí shū cài zhè yàng yǒu lì yú pái shuǐ hé guàng ài
农民在畦垄上种植蔬菜，这样有利于排水和灌溉。

Farmers plant vegetables on the raised ridges between furrows, which helps with drainage and irrigation.

Trace each character, then write the word on your own.

畦	畦	畦	畦	畦	畦	畦	畦	畦	畦	畦
畦	畦	畦								

垄	垄	垄	垄	垄	垄	垄	垄	垄	垄	垄
